

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/DS-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Mai Văn Cười

+ Bà Huỳnh Thị Tỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: xxx ND, phường B, TP V, tỉnh N

Đại diện theo pháp luật: **Kanokwatpaisal N** – Chức vụ: Giám đốc

Người được ủy quyền: **Thạch Thị Lê T** – Nhân viên

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Quang H, sinh năm xxxx.

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn P, sinh năm xxxx.

Địa chỉ: Tổ x khu phố C, phường L, thành phố G, tỉnh T.

(Chỉ Txin vắng mặt, anh H và anh P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S trình bày:** Ngày 13/08/2024 anh Nguyễn Quang H có cầm cố tài sản với Công ty cổ phần S (Công ty Sawad) - Chi nhánh Tiền Giang - Chợ Gạo 1 (Trước đây là Chi nhánh Tiền Giang 7) theo Hợp đồng cầm cố **ATM240801005NA22X** ngày 13/08/2024.

- Tài sản cầm cố như sau: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda; Loại: Airblade Fi; Biển số xe: 63B7-731.40; Số khung: RLHKF4102NZ11024; Số máy: KF41E0206154 theo Giấy chứng nhận đăng ký số: (63) 000627 do Công an xã Tân Phước cấp ngày 03/03/2023.

- Số tiền cầm cố: 29,414,893.62 **đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn tám trăm chín mươi ba chẵn sáu mươi hai đồng).**

- Thời hạn cầm cố: **24** tháng

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

- Ngày giải ngân: **13/08/2024**

- Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố: bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng.

- Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng.

- Lãi suất quá hạn: bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn

- Phí mượn xe đúng hạn là: 2.5 %/tháng/dư nợ gốc ban đầu và trễ hạn là 5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu.

- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

- Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán.

- Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày **13/08/2024**, anh Nguyễn Quang H đã có đơn gửi Công ty cổ phần S - Chi nhánh Tiền Giang - Chợ Gạo 1 (Trước đây là Chi nhánh Tiền Giang 7) xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn lại là 01 (một) xe mô tô Biển số xe: 63B7-731.40. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày **13/08/2024** đến ngày **13/09/2024**.

Công ty đã đồng ý cho anh Nguyễn Quang H mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trong thỏa thuận thuê tài sản.

Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Công ty cổ phần S - Chi nhánh Tiền Giang - Chợ Gạo 1 (Trước đây là Chi nhánh Tiền Giang 7) có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. *"Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 314 bộ luật dân sự 2015 quy định: Bên nhận cầm cố "Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận."* nên việc cầm cố tài sản và cho mượn lại tài sản Công ty Sawad làm đúng theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty cổ phần S đã giải ngân cho khách hàng số tiền là: 29,414,893.62 **đồng**. Tuy nhiên, anh H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho anh H có thời gian thu xếp trả nợ nhưng anh H vẫn không thực hiện.

Anh H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết và đã hết thời gian mượn xe không bàn giao lại tài sản cho Công ty.

Công ty yêu cầu anh H bàn giao lại tài sản sản nhưng anh H trốn tránh không thực hiện theo cam kết.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Quang H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 02/01/2025 là **42,675,997.07 đồng** trong đó: Tiền gốc: **29,414,893.62 đồng**; Tiền lãi trong hạn: **4,290,055.60 đồng**; Phí quản lý hồ sơ cố định: **1,950,025.27 đồng**; Tiền lãi quá hạn: **148,427.78 đồng**; Phí mượn xe: **6,353,617.02 đồng**; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: **518,977.78 đồng**.

Trường hợp anh H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là mô tô biển số 63B7-731.40 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad Có Ngay do chị Thạch Thị Lệ Thủy làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời chị Tnốp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Quang H trả cho công ty số tiền nợ gốc đã nhận cầm cố, nợ lãi và phí được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 24/3/2025 tổng cộng là 48.577.919,80

đồng, trong đó: Nợ gốc: 29.414.893,62 đồng; Nợ lãi và phí tính đến ngày 24/3/2025 là 19.163.026,20 đồng (gồm: Lãi trong hạn 4.290.055,60 đồng; Lãi quá hạn 405.648,18 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 1.950.025,27 đồng; Phí mượn xe 11.118.829,79 đồng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.398.467,33 đồng) và còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố kể từ ngày 21/3/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là mô tô biển số 63B7-731.40 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký với nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty cổ phần Sawad Có Ngay do chị Thạch Thị Lệ Thủy làm đại diện có Đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Quang H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, anh H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn xuất trình Hợp đồng cầm cố số ATM240801005NA22X ngày 13/08/2024; thỏa thuận thuê tài sản ngày 13/8/2024 có cơ sở xác định ngày 13/8/2024 giữa công ty Sawad và anh H có ký hợp đồng cầm cố xe số ATM240801005NA22X với số tiền cầm là 29,414,893.62

đồng theo đó anh H giao tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 63B7-731.40 theo chứng nhận đăng ký số: (63) 000627 do Công an xã Tân Phước cấp ngày 03/03/2023 cho công ty Sawad. Theo thỏa thuận hợp đồng, thời hạn cầm cố là 24 tháng (kể từ ngày 13/8/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty Sawad đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho anh H và cũng tại Hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về lãi suất; thời hạn thanh toán khoản tiền cầm cố; các khoản phí; phạt vi phạm và bồi thường, xử lý tài sản cầm cố... Việc ký kết hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu đe dọa hay ép buộc, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực với các bên tham gia giao dịch.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 29,414,893.62 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố số ATM240801005NA22X ngày 13/08/2024. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh H về việc trả số tiền nợ gốc là 29,414,893.62 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Hợp đồng cầm cố số ATM240801005NA22X ngày 13/08/2024 kèm phụ lục quy định lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện “Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự” và đối chiếu với Điều 468 Bộ luật dân sự “ Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật khác có liên quan quy định khác”. Việc thỏa thuận lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty Sawad với anh H tại hợp đồng cầm cố nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó Công ty Sawad yêu cầu tiền lãi trong hạn 4.290.055,60 đồng và lãi quá hạn 405.648,18 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền phí mượn xe và các khoản phí khác: Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty Sawad có ký giấy cho anh H mượn lại xe sử dụng. Trong thỏa thuận thuê tài sản có quy định rõ thời hạn mượn xe là 01 tháng từ 13/8/2024 đến ngày 13/9/2024. Anh H có cam kết rõ ràng trong thỏa thuận thuê tài sản. Việc các bên thỏa thuận cho nhau thuê xe mô tô biển số **63B7-731.40** khi đã cầm cố là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật dân sự.

Anh H đã vi phạm cam kết trong thỏa thuận thuê tài sản ngày 13/8/2024 và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết nên Công ty Sawad yêu cầu trả phí quản lý hồ sơ: 1.950.025,27 đồng; phí mượn xe 11.118.829,79 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.398.467,33 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, do anh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết nên việc Công ty cổ phần S chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với anh H và khởi kiện để yêu cầu anh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí liên quan đến số tiền đã nhận cầm cố cho Công ty cổ phần S là phù hợp quy định tại Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 307, 468 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với thỏa thuận đã được ký kết trong Hợp đồng cầm cố số **ATM240801005NA22X** ngày 13/08/2024 giữa Công ty cổ phần S với anh H. Buộc anh H phải trả cho Công ty cổ phần Sawad Có Ngay số tiền nợ gốc đã nhận cầm cố, nợ lãi và phí được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 24/3/2025 tổng cộng là 48.577.919,80 đồng, trong đó: nợ gốc: 29.414.893,62 đồng; lãi trong hạn 4.290.055,60 đồng; lãi quá hạn 405.648,18 đồng; phí quản lý hồ sơ: 1.950.025,27 đồng; phí mượn xe 11.118.829,79 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.398.467,33 đồng.

Trường hợp anh H không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì tài sản cầm cố là mô tô biển số 63B7-731.40; nhãn hiệu: Hondo; số loại: Sprinter; Số khung: RLHKF4102NZ110242; số máy: KF41E0206154 do Công an xã Tân Phước cấp ngày 03/3/2023 cho anh Nguyễn Quang H được xử lý theo quy định tại Điều 299, 303, 304 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng tại Điều 299, 303, 304 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 307, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

1. Buộc anh Nguyễn Quang H có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S số tiền tổng cộng là **48.577.919,80 đồng**, trong đó: nợ gốc: 29.414.893,62 đồng; lãi trong hạn 4.290.055,60 đồng; lãi quá hạn 405.648,18 đồng; phí quản lý hồ sơ: 1.950.025,27 đồng; phí mượn xe 11.118.829,79 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.398.467,33 đồng.

các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số: **ATM240801005NA22X** ngày 13/08/2024 được ký kết giữa anh Nguyễn Q

Huy với Công ty cổ phần S cho đến khi anh H thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản cầm cố: Trong trường hợp anh H không thanh toán được các khoản tiền nợ cầm cố nêu trên cho Công ty cổ phần S thì tài sản cầm cố là 63B7-731.40; nhãn hiệu: Hondo; số loại: Sprinter; Số khung: RLHKF4102NZ110242; số máy: KF41E0206154 do Công an xã Tân Phước cấp ngày 03/3/2023 cho anh Nguyễn Quang H (hiện trạng tài sản được ghi nhận theo hiện trạng tại thời điểm thi hành án) theo hợp đồng cầm cố tài sản số: **ATM240801005NA22X** ngày 13/08/2024 được ký kết giữa anh Nguyễn Quang H với Công ty cổ phần S sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303, 304 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu 2.428.895 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Công ty cổ phần S số tiền 932.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0013703 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Nguyên**